

Bản án số: 643/2018/DS-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phan Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng là cán bộ Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh H; địa chỉ: Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2018)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phát C

Địa chỉ: phường Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Phan Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/8/2014, ông Nguyễn Phát C ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng (viết tắt là hợp đồng) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng), theo đó, Ngân hàng cho ông C vay số tiền 32.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn 45%/năm, thời hạn vay 48 tháng, mỗi tháng trả 1.160.018 đồng. Thực hiện hợp đồng ông C đã nhận đủ tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng được 03 lần với tổng số tiền là 3.490.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 360.018 đồng, nợ lãi là 3.129.982 đồng. Kể từ ngày 09/12/2014, ông C không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/11/2018, ông C còn nợ Ngân hàng 88.508.533 đồng, trong đó, nợ gốc là 31.639.982 đồng, nợ lãi là 56.868.551 đồng.

Ngày 21/02/2014, ông C ký Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (gọi tắt là hợp đồng) với Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất 35,88%/năm, lãi suất quá hạn 53,82%/năm, mở thẻ ngày 04/3/2014. Quá trình sử dụng thẻ, ông C đã chi tiêu với tổng số tiền là 15.863.400 đồng. Tính đến ngày 29/11/2018, ông C còn nợ Ngân hàng 46.123.109 đồng, trong đó, nợ gốc là 14.421.194 đồng, nợ lãi là 31.701.915 đồng.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ là 134.631.642 đồng (88.508.533 đồng + 46.123.109 đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/11/2018 theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng ngày 26/8/2014 và ngày 21/02/2014.

Bị đơn ông Nguyễn Phát C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông Nguyễn Phát C trả số tiền vay. Bị đơn ông C cư trú tại Quận 9. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Ông Phan Thanh H có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H. Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/8/2014, thông báo cho vay và bản sao kê tài khoản có đủ cơ sở xác định ông C vay của Ngân hàng 32.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn 45%/năm, thời hạn vay 48 tháng, mỗi tháng trả 1.160.018 đồng. Ông C đã trả 03 kỳ với tổng số tiền là 3.490.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 360.018 đồng, nợ lãi là 3.129.982 đồng. Từ ngày 09/12/2014 ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền ông C còn nợ gốc là 31.639.982 đồng và lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 56.868.551 đồng, tổng cộng ông C còn nợ Ngân hàng là 88.508.533 đồng.

[4] Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/02/2014 và bản sao kê tài khoản thẻ có đủ cơ sở xác định Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng cho ông C, lãi suất 35,88%, lãi suất quá hạn 53,82%/năm, mở thẻ ngày 04/3/2014. Ông C sử dụng thẻ của Ngân hàng để chi tiêu với tổng số tiền là 15.863.400 đồng, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng 1.442.206 đồng. Số tiền ông C còn nợ gốc là 14.421.194 đồng và lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 31.701.915 đồng, tổng cộng ông C còn nợ Ngân hàng là 46.123.109 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông C phải trả cho Ngân hàng nợ gốc là 46.061.176 đồng và lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 88.570.466 đồng, tổng cộng là 134.631.642 đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 134.631.642 đồng x 5% = 6.731.582 đồng.

[8] Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 2.647.820 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003372 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Buộc ông Nguyễn Phát C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc là 46.061.176 đồng, nợ lãi là 88.570.466 đồng, tổng cộng là 134.631.642 (một trăm ba mươi tư triệu sáu trăm ba mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi hai) đồng.

1.2. Ông Nguyễn Phát Cường còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng ngày 26/8/2014 và ngày 21/02/2014 trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phát C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.731.582 (sáu triệu bảy trăm ba mươi một ngàn năm trăm tám mươi hai) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 2.647.820 (hai triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003372 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q9;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q9;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Mạnh Cường